

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu phố T, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện đang ở trọ tại: Hẻm 93, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018, bản tự khai ngày 12/6/2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn S tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau

đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, đã có lần ông S đánh đập bà Mai. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay và đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, không ai còn quan tâm ai. Nay bà M không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/7/2006. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Bà M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Theo bản biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2018; biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 bị đơn ông Lê Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Nguyên. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, bà M cho rằng ông đánh đập bà M là không đúng. Nay ông S không đồng ý ly hôn vì ông đang phải chấp hành án phạt tù, khi nào chấp hành xong ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/7/2006, hiện nay do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Do ông S không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Ông S xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con (bản sao); còn bị đơn ông Lê Văn S không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn S sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vợ chồng sống chung nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do vậy bà M yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ cần chấp nhận. Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/7/2006 cần giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, do bà M không yêu cầu cấp dưỡng

nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết, vợ chồng xác nhận không nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, xét xử vắng mặt ông Lê Văn S là phù hợp theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 65 quyển 01/2005 ngày 23/5/2005 của UBND phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp cho ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Bà M và ông S tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng: Bà Nguyễn Thị M cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm và ly thân từ năm 2010 cho đến nay, còn ông S không thừa nhận nhưng căn cứ vào biên bản xác minh ngày 29/6/2018 của Công an phường Phước Nguyên thể hiện vào năm 2014 bà M có báo với Công an phường xuống giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng khi xuống đến nơi thì vợ chồng đã tự giải quyết được với nhau. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng đã có mâu thuẫn với nhau từ năm 2014. Mặc dù ông S cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn gì nhưng đồng ý ly hôn khi ông chấp hành án phạt tù xong. Như vậy, chính bản thân ông S cũng đồng ý ly hôn nhưng lại muốn kéo dài thời gian ly hôn. Mặt khác ông S cũng không có biện pháp gì để đoàn tụ gia đình. Xét thấy, bà Nguyễn Thị M đã không còn tình cảm gì với ông Lê Văn S và cương quyết ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên cần chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông S là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 27/7/2006, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, còn ông S không có ý kiến và yêu cầu gì, xét thấy: Hiện nay cháu N đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu sinh hoạt và học tập bình thường; cháu Như cũng có nguyện vọng được ở với bà M. Để ổn định cuộc sống của con chung cần giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ. Do bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về chia tài sản: Bà M, ông S không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Bà M, ông S xác nhận vợ chồng không nợ ai.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí hôn nhân và đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc “Ly hôn , tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Lê Văn S.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/7/2006.

Giao con chung Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/7/2006 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông S và bà M đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Bà M, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà M, ông S xác nhận vợ chồng không nợ ai.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002702 ngày 31/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- UBND P. Phước Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Cường